

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-PT

Ngày: 07-01-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Các thẩm phán:

1. Ông **Phạm Văn Diệp;**
2. Bà **Trương Thị Tuyền.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà **Nguyễn Thị Bé Thi**
- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 268/2020/QĐPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1960; địa chỉ: xã V, huyện Th, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Th sinh năm 1985; địa chỉ: xã V, huyện Th, tỉnh Tây Ninh –Là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 23-11-2020); có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Ng, sinh năm 1977 và anh Đặng Văn H, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: xã M, huyện D, tỉnh Tây Ninh; chị Ng có mặt.

Người kháng cáo: bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25-5-2020, những lời khai tiếp theo, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Bà Ch và chị Nguyễn Thị Ngọc là chị em ruột. Ngày 10-5-2017, vợ chồng chị Ng và anh H vay của bà Ch số tiền 30.000.000 đồng, hạn đến Tết năm 2018 trả tiền vay; đến ngày 24-6-2017 dương lịch (29-5-2017 âm lịch), vợ chồng chị Ng vay tiếp số tiền 70.000.000 đồng, hạn đến ngày 29-5-2018 trả tiền, không thỏa thuận tiền lãi. Như vậy vợ chồng chị Ng vay tổng số tiền 100.000.000 đồng và có viết giấy mượn tiền và ký tên. Khi đến hạn, vợ chồng chị Ng không trả tiền, bà Ch nhiều lần đòi tiền nhưng vợ chồng chị Ng không trả.

Nay bà Ch yêu cầu chị Ng, anh H cùng trả cho bà Ch số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm của khoản tiền vay 70.000.000 đồng, trong thời hạn 02 năm tương đương số tiền 14.000.000 đồng.

Bị đơn- chị Nguyễn Thị Ngọc Ng trình bày:

Chị xác định có vay của bà Ch số tiền 100.000.000 đồng, do chị làm công nhân xí nghiệp, bà Ch đề nghị chị lấy tiền cho công nhân vay và nhận thẻ chấp thẻ ATM của công nhân. Ngày 10-5-2017, bà Ch giao vợ chồng chị Ng số tiền 30.000.000 đồng, ngày 29-5-2017 giao tiếp cho vợ chồng chị Ng số tiền 70.000.000 đồng, tổng số tiền đã giao 100.000.000 đồng, vợ chồng chị cùng ký tên trên giấy mượn tiền, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, mỗi bên hưởng lãi suất 05%/tháng. Hàng tháng, bà Ch đến nhà và chị Ng trực tiếp giao tiền lãi 5.000.000 đồng nhưng không có ghi giấy nhận tiền. Cuối năm 2018, do phải nuôi cha mẹ để bị bệnh, chị phải nghỉ làm nên không thu được tiền để trả cho bà Ch nên phải ngưng trả tiền lãi. Tháng 3-2019, bà Ch đồng ý để chị trả dần tiền gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ đầu tháng 4-2019 đến ngày 25-3-2020; nên chị trả góp được số tiền 22.000.000 đồng, còn nợ số tiền 78.000.000 đồng.

Nay chị đồng ý trả cho bà Ch số tiền 78.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng trả số tiền 1.000.000 đồng.

Bị đơn- anh Đặng Văn H : Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Bản án sơ thẩm số: 29/2020/DS-ST ngày 15-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch đối với anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Ngọc Ng về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Ngọc Ng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền 114.000.000 (một trăm mười bốn triệu) đồng; trong đó: Tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tiền lãi là 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

Bản án còn quyết định án phí, nghĩa vụ Chi trả hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25-9-2020, chị Nguyễn Thị Ngọc Ng có đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo yêu cầu giải quyết toàn bộ vụ án, chị Ng đồng ý trả cho bà Ch số tiền 78.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn – chị Ng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo:

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án như sau:

+ Tổ tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật Tổ tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

+ Nội dung: Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc Ng kháng cáo là có căn cứ, bởi lẽ tại Biên bản lấy lời khai của cụ Luyến, cụ Búp là cha mẹ đẻ của chị Ng xác định chứng kiến việc chị Ng trả tiền cho bà Ch hàng tháng (tại bút lục số 40); đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm; buộc chị Ng và anh H có nghĩa vụ trả cho bà Ch số tiền gốc 78.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng: Bị đơn anh Đặng Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt; căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tổ tụng dân sự nên xét xử vắng mặt anh H. Nguyên đơn ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Th; theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 23-11-2020 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Th, tỉnh Tây Ninh phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc Ng :

[2.1] Giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Ng và bà Nguyễn Thị Ch có xác lập giao dịch vay tiền vào các ngày 10-5-2017 và ngày 24-6-2017, tổng số tiền vay 100.000.000 đồng, có viết 02 giấy mượn tiền, có chữ ký tên và viết tên Nguyễn Thị Ngọc Ng và Đặng Văn H; đã được bà Ch và chị Ng thừa nhận nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Chị Ng xác định chữ ký tên và viết tên trên 2 tờ giấy mượn tiền lập ngày 10-5-2017 và ngày 24-6-2017 là do anh H ký tên và viết tên.

[2.3] Quá trình tố tụng, cấp sơ thẩm đã xác minh địa phương nơi cư trú; anh H và chị Ng đang chung sống vợ chồng tại địa chỉ: Tổ 01, ấp Thuận Tân, xã Trông Mít, huyện D, tỉnh Tây Ninh; anh H làm nghề tài xế, ban ngày đi làm, đêm và ngày nghỉ anh H có ở nhà; cấp sơ thẩm đã tổng đạt văn bản tố tụng cho anh H do

chị Ng nhận thay, đồng thời đã niêm yết văn bản tố tụng tại địa phương. Tại cấp phúc thẩm, chị Ng xác định đã giao những văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H. Như vậy anh H biết việc bà Ch khởi kiện, Tòa án đang thụ lý và giải quyết, nhưng anh H không tham gia là từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó cấp sơ thẩm xác định số tiền vay 100.000.000 là nợ chung của vợ chồng chị Ng và anh H là phù hợp.

[2.4] Chị Ng cho rằng vợ chồng chị có trả nợ cho bà Ch từ đầu tháng 4-2019 đến ngày 25-3-2020, được số tiền gốc 22.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 78.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ chứng minh, tài liệu do chị Ng cung cấp tại bút lục số 37-38 là giấy phô tô do chị Ng tự viết ra không được bà Ch thừa nhận; Đối với lời khai của 02 cụ Nguyễn Thị Luyến và Nguyễn Văn Búp tại bút lục số 40 trình bày "...Tôi xác định chúng tôi chứng kiến việc chị Ng đã góp tiền cho chị Ch 11 tháng x 2.000.000 là 22.000.000 đồng..."; tuy nhiên hai cụ đều là cha mẹ đẻ của chị Ng và bà Ch; trong thời gian này 02 cụ sống chung với chị Ng được chị Ng chăm sóc và nuôi dưỡng, chứng cứ này không khách quan, chưa đủ căn cứ để xác định chị Ng có trả cho bà Ch số tiền 22.000.000 đồng; cấp sơ thẩm buộc chị Ng và anh H có nghĩa vụ trả cho bà Ch số tiền vay 100.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.5] Bà Ch yêu cầu chị Ng, anh H có nghĩa vụ trả tiền lãi của số tiền vay 70.000.000 đồng từ ngày 24-6-2017 đến nay với lãi suất 10%/năm là phù hợp pháp luật; cấp sơ thẩm buộc chị Ng và anh H có nghĩa vụ trả số tiền lãi 14.000.000 đồng là đúng pháp luật.

[3] Chị Ng kháng cáo, không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không chấp nhận kháng cáo và không chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên.

[4] Án phí phúc thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, chị Ng phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc Ng ;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 29/2020/DS-ST ngày 15-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch đối với anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị Ngọc Ng về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Đặng Văn H , chị Nguyễn Thị Ngọc Ng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền 114.000.000 (*một trăm mười bốn triệu*) đồng; trong đó: số tiền gốc 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng, số tiền lãi 14.000.000 (*mười bốn triệu*) đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đặng Văn H , chị Nguyễn Thị Ngọc Ng phải chịu số tiền 5.700.000 đồng (*năm triệu, bảy trăm nghìn*) đồng. Bà Ch được miễn.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc Ng phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0005000 ngày 25-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D , tỉnh Tây Ninh; ghi nhận đã nộp.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND DMC.;
- Chi cục DMC;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thanh Minh Châu

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND DMC.;
- Chi cục DMC;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu

